

BÁO CÁO

Đánh giá 10 năm triển khai thực hiện Quyết định số 2166/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển y, dược cổ truyền Việt Nam đến năm 2020

Thực hiện Công văn số 2148/BYT-YDCT ngày 17/4/2020 của Bộ Y tế về việc tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Quyết định số 2166/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển y, dược cổ truyền Việt Nam đến năm 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tình hình chung:

Ninh Thuận thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, phía Bắc giáp tỉnh Khánh Hòa, phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng và phía Đông giáp biển đông. Diện tích tự nhiên 3.358 km², dân số 591.032 người, mật độ dân số trung bình là 176 người/km², phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở vùng đồng bằng, ven biển. Ninh Thuận có 3 dạng địa hình chính: miền núi, đồng bằng và vùng ven biển, là môi trường thuận lợi phát triển các loại cây thuốc, con vật làm thuốc.

Ninh Thuận có 6 huyện, 01 thành phố với 65 xã, phường, thị trấn; 402 thôn, khu phố; có 01 huyện nghèo Bác Ái theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ – CP; có 37 xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó: 15 xã khu vực III, 21 xã khu vực II và 01 xã khu vực I. Có 34 dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 23,16%, trong đó: Dân tộc Chăm chiếm 12,05%; Dân tộc Raglai chiếm 10,41%; Dân tộc Hoa chiếm 0,4%; Dân tộc thiểu số khác chiếm 0,31% dân số toàn tỉnh.

Tính đến tháng 10/2020, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có: 265 cơ sở y tế, gồm: 05 Bệnh viện tuyến tỉnh (Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Y dược cổ truyền, Bệnh viện chuyên khoa Da liễu Tâm thần); 01 Trung tâm phòng bệnh; 07 Trung tâm Y tế huyện thành phố (05 Bệnh viện đa khoa huyện và 03 Phòng khám đa khoa khu vực); 59 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn và 192 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (1 bệnh viện, 04 phòng khám đa khoa, 175 phòng khám chuyên khoa và 12 cơ sở khác).

Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 10,2%; GRDP bình quân đầu người đạt từ 60,1 triệu/ người; Tỷ lệ hộ nghèo giảm

còn 5,74% ; Có 90,8% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế; có 10 bác sỹ/vạn dân.

Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng hơn 200 chủng loại cây, con là dược liệu quý như: Tô mộc, Sa nhân, Thạch斛, Mã tiền, Mạn kinh tử, Râu mèo, Kim tiền thảo, Diệp hạ châu, Trinh nữ hoàng cung, Kim ngân, Lô hội, Tắc kè, Hải mã... Trong 10 năm qua tình hình khám chữa bệnh y, dược cổ truyền đạt được mục tiêu và các chỉ tiêu theo kế hoạch Tỉnh đề ra và vượt chỉ tiêu theo theo Quyết định 2166/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tình hình hoạt động đông y và Hội Đông y của tỉnh có bước phát triển đáng kể, nhất là người Chăm, Raglai, K'Ho có tập quán dùng thuốc nam để chữa bệnh với nhiều bài thuốc gia truyền độc đáo. Hiện nay, hầu hết các xã, phường, thị trấn đều có lương y, hoặc người có bài thuốc gia truyền kinh nghiệm trong hoạt động khám, chữa bệnh.

2. Công tác hoàn thiện thể chế, quản lý, chỉ đạo điều hành

2.1. Xây dựng các văn bản qui phạm pháp luật, cơ chế chính sách

Trong 10 năm qua, thực hiện Quyết định 2166/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân tỉnh Ninh Thuận đã ban hành 04 Nghị quyết, 01 Quyết định; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 07 Quyết định nhằm thể chế hóa công tác phát triển y dược cổ truyền tỉnh Ninh Thuận. Theo đó chỉ đạo các ngành các cấp chính quyền địa phương phối hợp cùng Sở Y tế xây dựng cơ sở vật chất, bố trí ngân sách, tuyển dụng, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y dược cổ truyền để đáp ứng công tác khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Cụ thể:

- Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND ngày 14/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011–2020.

- Nghị quyết số 25/2015/NQ-HĐND ngày 20/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chính sách thu hút nhân lực y tế về làm việc tại các cơ sở y tế công lập tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2015-2020.

- Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quy hoạch Phát triển hệ thống y tế tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND ngày 14/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quy hoạch Phát triển hệ thống y tế tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND ngày 14/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Quyết định số 14/QĐ-HĐND ngày 07/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện y dược cổ truyền tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 29/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011- 2020.

- Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 30/01/2012 của UBND tỉnh về việc thành lập Bệnh viện Y dược cổ truyền Ninh Thuận trên cơ sở sáp nhập khoa Đông y Bệnh viện tỉnh và Trung tâm Châm cứu Đông y của Hội Đông y tỉnh. Bệnh viện chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/8/2012.

- Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 378/2008/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Đề án đào tạo và hỗ trợ kinh phí cho thí sinh trúng tuyển đại học Y, Dược diện đào tạo hệ chính quy theo địa chỉ sử dụng giai đoạn 2009 – 2020.

- Quyết định số 71/2015/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chính sách thu hút nhân lực y tế về làm việc tại các cơ sở y tế tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2015-2020.

- Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc củng cố tổ chức lại Bệnh viện Y dược cổ truyền trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện Phục hồi chức năng vào Bệnh viện Y dược cổ truyền hoạt động chính thức từ ngày 01/05/2017.

- Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quy hoạch Phát triển hệ thống y tế tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 29/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quy hoạch Phát triển hệ thống y tế tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 29/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2. Về công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo điều hành

Trong 10 năm qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế phối hợp các sở, ban ngành tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động đối với các cơ sở hành nghề khám bệnh, chữa bệnh lĩnh vực y, dược cổ truyền. Qua kiểm tra, đa số các cơ sở đã chấp hành các quy định của pháp luật trong hành nghề như không thuê mượn chứng chỉ hành nghề, hành nghề đúng địa chỉ; cơ sở vật chất, trang thiết bị đúng quy định, hành nghề trong phạm vi cho phép.

Hội Đông y các cấp tham gia tốt với ngành Y tế trong công tác kiểm tra hành nghề Y dược cổ truyền, kịp thời tham mưu, phối hợp kiểm tra, xử lý các trường hợp hành nghề bất hợp pháp trên địa bàn làm ảnh hưởng không tốt đến đời sống nhân dân, uy tín của hoạt động đông y.

2.3. Hệ thống quản lý nhà nước về y, dược cổ truyền trên địa bàn tỉnh

Trong 10 năm qua, hoạt động y dược cổ truyền được củng cố từ tỉnh đến cơ sở, kể cả công lập và ngoài công lập, tăng cường phối hợp giữa ngành Y tế và Hội Đông y, thành lập Bệnh viện Y dược cổ truyền, củng cố các khoa/bộ phận y dược cổ truyền trong các bệnh viện.

Tại Sở Y tế và các Phòng Y tế các huyện, thành phố có phân công cán bộ kiêm nhiệm công tác y dược cổ truyền.

Cơ sở Hội Đông y được thành lập từ tỉnh đến cơ sở, gồm Hội Đông y tỉnh, 07 Hội Đông y huyện, thành phố và 65 Hội Đông y xã, phường, thị trấn. Số chi hội trực thuộc Tỉnh hội là 02 chi hội, số chi hội trực thuộc các huyện/thành hội là 02 chi hội. Toàn Hội có 76 cơ sở khám chữa bệnh, nhiều cán bộ hội viên hành nghề gia truyền, chữa bệnh tại nhà. Đối với Hội cơ sở xã, phường chủ yếu làm việc tại nhà riêng chủ tịch Hội, một số Hội xã, phường duy trì văn phòng Hội và hoạt động chẩn trị Đông y trong Trạm Y tế.

Nhân lực y dược cổ truyền được quan tâm thu hút đào tạo và đào tạo lại để đáp ứng yêu cầu phát triển. Sở Y tế và các phòng Y tế huyện thành phố phân công cán bộ kiêm nhiệm công tác y dược cổ truyền Hội Đông y các cấp phát triển đều tại 3 cấp tỉnh, huyện và xã; công tác khám chữa bệnh theo hình thức xã hội hóa, có 2.219 hội viên. Ngoài ra trong tỉnh còn có 31 phòng chẩn trị Y học cổ truyền tư nhân và 02 cơ sở sản xuất kinh doanh thuốc thành phẩm y học cổ truyền.

3. Công tác khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền (YHCT)

3.1. Hệ thống khám chữa bệnh bằng y dược cổ truyền

a) Công lập

- Số lượng bệnh viện y dược cổ truyền: 01 (So với năm 2011: tăng 01)
- Tổng số bệnh viện đa khoa có khoa y học cổ truyền / Tổng số bệnh viện đa khoa: 6/6 (So với năm 2011 tăng 5 cơ sở).
- Tổng số phòng khám đa khoa có bộ phận khám chữa bệnh bằng YHCT: 02/02 tổng số phòng khám (So năm 2011 tăng 01).
- Tổng số Trạm Y tế xã, phường, thị trấn có cán bộ YHCT trong biên chế của Trạm 40/59 (Không tính 6 xã, phường giao chức năng trạm cho Trung tâm y tế; số liệu không có cán bộ hợp đồng về YHCT). So với năm 2011 giảm 03 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn có cán bộ YHCT trong biên chế.
- Tổng số Trạm y tế xã có hoạt động khám chữa bệnh bằng YHCT: 40/59 trạm.

b) Ngoài công lập

- Số lượng Bệnh viện YHCT tư nhân: 00.
- Tổng số phòng chẩn trị YHCT tư nhân: 31 (so với năm 2011 tăng 8 Phòng chẩn trị YHCT).

3.2. Thực hiện chỉ tiêu khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT

Trong 10 năm qua, đặc biệt kể từ khi Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh thành lập, công tác khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền ở tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện được trang bị các thiết bị cơ bản như tủ thuốc, máy điện châm, đèn hồng ngoại, thiết bị phục hồi chức năng... Các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế đều triển khai khám chữa bệnh y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại. Số lượt khám chữa bệnh y học cổ truyền trong toàn tỉnh bình quân hàng năm như sau:

- Tỷ lệ khám bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với y học hiện đại trên tổng số khám chữa bệnh chung tại tuyến tỉnh chiếm 9% (trong đó điều trị ngoại trú chiếm 8%, điều trị nội trú và nội trú ban ngày chiếm 1%);

- Tỷ lệ khám bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với y học hiện đại trên tổng số khám chữa bệnh chung tại tuyến huyện là 10% (trong đó điều trị ngoại trú chiếm 9%, điều trị nội trú và nội trú ban ngày chiếm 1%);

- Tỷ lệ khám bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với y học hiện đại trên tổng số khám chữa bệnh chung tại tuyến xã là 26% (trong đó điều trị ngoại trú chiếm 17%, điều trị nội trú và nội trú ban ngày chiếm 9%).

4. Nhân lực y dược cổ truyền

Toàn tỉnh có 22 bác sỹ YHCT, 41 Y sỹ YHCT và 10 lương y, công tác tại 3 tuyến cơ cấu như sau:

- Tuyến tỉnh chiếm 60% (năm 2011 là 20,83%).

- Tuyến huyện chiếm 34% (năm 2011 là 41,66%).

- Tuyến xã chiếm 6% (năm 2011 là 16,66%).

5. Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực

5.1. Hệ thống đào tạo nguồn nhân lực y dược cổ truyền tại địa phương và các loại hình đào tạo

Trường Trung cấp Y tế tỉnh đã đào tạo 43 y sỹ YDCT; tổ chức đào tạo liên tục để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ cho 43 Y sỹ định hướng y học cổ truyền. Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh hiện tại cử 01 cán bộ học chuyên khoa 1 về chẩn đoán hình ảnh, 02 cán bộ học liên thông bác sỹ YHCT và 03 cán bộ dự thi liên thông bác sỹ YHCT, 15 cán bộ học liên thông cử nhân điều dưỡng, 04 cán bộ học liên thông dược sỹ đại học và một số cán bộ đào tạo chuyên môn khác.

5.2. Số lượng đào tạo qua các năm từ 2011 đến hết tháng 9/2020

Trong 10 năm, tại các đơn vị y tế đã đào tạo 12 bác sỹ Y học cổ truyền, 01 bác sỹ chuyên khoa I, 01 bác sỹ chuyên khoa II, 05 y sỹ YHCT.

6. Công tác nghiên cứu khoa học: Thống kê đề tài qua các năm từ 2011 đến 2020.

Trong 10 năm qua, có 03 đề tài nghiên cứu cấp tỉnh, 135 đề tài nghiên cứu cấp cơ sở được nghiệm thu đưa vào ứng dụng như đề tài “ Nghiên cứu xác định phát triển và sử dụng có hiệu quả các loài sa nhân tự nhiên ở các miền núi tỉnh Ninh Thuận”, “Bảo tồn cây thuốc Nam của đồng bào Chăm xã Xuân Hải”, “Những bài thuốc của dân tộc Chăm tại tỉnh Ninh Thuận”, “Khảo sát điều tra cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2017”, “ Trồng thử nghiệm cây đinh lăng (Polyscias frcticosa L. Harm) theo tiêu chuẩn GACP tại Ninh Thuận nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu làm thuốc và sản xuất thực phẩm chức năng”. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận một sáng kiến của Bệnh viện Y dược cổ truyền “Nẹp gỗ để tập vận động cho bệnh nhân liệt cổ tay cổ chân” năm 2016, “Sáng kiến giường tắm cho bệnh nhân liệt” năm 2019. Hội Đông y tỉnh tổng hợp biên tập 40 bài thuốc; tổ chức Hội nghị thừa kế "Sử dụng thuốc nam chữa bệnh".

Các cấp Hội tích cực trong công tác thừa kế ứng dụng các bài thuốc kinh nghiệm điều trị bệnh, vận động hội viên đóng góp bài thuốc tâm đắc. Các cấp Hội tiếp tục tham gia chuyên mục sức khỏe, đưa tin hoạt động trên Tạp chí Đông y Cây thuốc quý, Báo Ninh Thuận, Thông tin Y tế Ninh Thuận, Đài truyền thanh các địa phương; biên tập và phát hành nội san "Rau quả hoa cảnh - Cây thuốc quanh ta".

7. Công tác phát triển chất lượng dược liệu, thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu

7.1. Về công tác quản lý chất lượng dược liệu

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 1955/KH-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2017 triển khai thực hiện “Chiến lược Quốc gia phát triển Ngành dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 tại tỉnh Ninh Thuận”.

Danh mục các loài dược liệu tại địa phương có tiềm năng khai thác, phát triển (theo Phụ lục đính kèm).

7.2. Công tác chế biến dược liệu, vị thuốc cổ truyền trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- Tình hình chung về quản lý chất lượng: Việc quản lý chất lượng thuốc dược liệu, vị thuốc cổ truyền được triển khai thực hiện tại cơ sở y tế, theo đó các đơn vị phải tuân thủ qui định về tự kiểm tra hàng hóa thông qua phiếu kiểm nghiệm cung cấp khi mua sắm hàng hóa. Các đơn vị chức năng như Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế tỉnh thực hiện lấy mẫu định kỳ; Cục quản lý thị trường phối hợp các ngành chức năng thanh kiểm tra, xử lý thuốc dược liệu kém chất lượng theo qui định.

- Số mẫu dược kiểm tra đánh giá chất lượng: 100% số mẫu dược liệu, vị thuốc cổ truyền được thực hiện khi mua sắm.

- Số mẫu vi phạm chất lượng: 00.

7.3. Công tác chế biến, bào chế dược liệu, thuốc cổ truyền trong cơ sở khám chữa bệnh

- Số lượng cơ sở có chế biến, bào chế dược liệu, vị thuốc: 02 Bệnh viện (*Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện y dược cổ truyền*) và 31 phòng chẩn trị YHCT.
- Số lượng dược liệu chế biến: hàng năm khoảng 30 tấn/toàn tỉnh.
- Sản lượng chế biến trung bình/năm: khoảng 30 tấn.
- Số lượng thuốc cổ truyền thành phẩm do cơ sở khám chữa bệnh tự bào chế: 46.500 sản phẩm/năm.

7.4. Công tác đấu thầu, sử dụng dược liệu, thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu trong cơ sở khám chữa bệnh

Phương thức đấu thầu dược liệu, vị thuốc cổ truyền tại tỉnh:

- Trước năm 2016: thực hiện đấu thầu không tập trung, các cơ sở y tế tự thực hiện việc mua sắm.
- Từ năm 2016 đến nay: Sở Y tế thực hiện đấu thầu mua sắm thuốc tập trung.

Số liệu năm 2020:

Tổng kinh phí gói thầu dược liệu: 00

+ Số lượng dược liệu: 00

+ Tổng khối lượng dược liệu: 00

Tổng kinh phí gói thầu vị thuốc cổ truyền: 1.927.479.425 đ

+ Số lượng vị thuốc: 117 vị thuốc;

+ Tổng khối lượng vị thuốc: 03 tấn.

Tổng kinh phí gói thầu thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu: 64.919.594.500 đ

+ Tổng số loại thuốc thành phẩm: 245 mặt hàng thuốc.

8. Công tác thanh tra, kiểm tra: Thống kê số liệu năm 2019 và đến hết tháng 9 năm 2020

Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 cơ sở (Công ty TNHH Một thành viên Đông Y dược Thiên Quang và Công ty TNHH Đông Y dược Tế Sanh) kinh doanh, sản xuất, chế biến thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu và vị thuốc cổ truyền. Qua thanh tra, 02 cơ sở chấp hành tốt quy định của pháp luật về kinh doanh, sản xuất, chế biến thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu và vị thuốc YHCT như: Hành nghề có giấy phép kinh doanh, Chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám chữa bệnh; phạm vi hành nghề, địa chỉ hành nghề và biển hiệu đúng với nội dung ghi trong Giấy phép hoạt động Khám chữa bệnh; niêm yết giá theo danh mục và bán đúng giá niêm yết.

9. Công tác xã hội hóa

Ngành y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò của y dược cổ truyền trong phòng và chữa bệnh; vận động nhân dân trồng và sử dụng cây thuốc gia đình, thực hiện phương

châm “Thầy tại nhà, thuốc tại chỗ” để tự phòng chữa bệnh thông thường; thực hiện truyền thông bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành băng đĩa hình giới thiệu về cây thuốc cho nhân dân. Khuyến khích phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ khám chữa bệnh và sản xuất kinh doanh dược liệu thuốc có nguồn gốc dược liệu đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân: Trên địa bàn tỉnh có 02 Công ty Đông y dược; 5 cơ sở kinh doanh dược liệu, thuốc cổ truyền được cấp phép hoạt động.

Sở Y tế phối hợp Hội Đông y tỉnh cấp giấy đủ điều kiện hoạt động khám chữa bệnh y học cổ truyền theo Luật Khám chữa bệnh cho các cơ sở từ thiện Phòng thuốc Nam Từ thiện chùa Phước Thạnh; Tuệ Tĩnh Đường chùa Đông Nhạc; Tuệ Tĩnh Đường chùa Trà Cang; Tổ khám bệnh Từ thiện chùa Long Cát; Tổ châm cứu miễn phí của Nhà thờ Thái Hòa, Phòng thuốc Nam Từ thiện chùa Phước Long.

10. Công tác quản lý hành nghề: Thống kê số liệu năm 2020 và số liệu lũy kế từ lúc cấp đến hết tháng 9 năm 2020.

10.1. Cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Năm 2020 Sở Y tế đã cấp 05 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền cho 02 bác sĩ y học cổ truyền và 03 y sĩ y học cổ truyền. Từ năm 2012 đến nay, Sở Y tế đã cấp được 224 Chứng chỉ hành nghề khám bệnh chữa bệnh liên quan đến y học cổ truyền (Bác sĩ: 26; Y sĩ y học cổ truyền: 121; Lương y: 49 và Người có bài thuốc gia truyền: 28).

10.2. Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

Sở Y tế đã cấp 01 giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho Phòng khám chuyên khoa y học cổ truyền. Từ năm 2012 đến nay đã cấp 43 giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền (Phòng chẩn trị YHCT: 40; Phòng khám YHCT: 03). Hiện nay, chỉ còn 35 cơ sở đang hoạt động khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền.

11. Tin học hóa và ứng dụng công nghệ thông tin

Các cơ sở y tế các cấp đều ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh, kê đơn thuốc y dược cổ truyền để thanh toán viện phí. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thống kê, quản lý kho thuốc, dự trữ, cấp phát thuốc; theo dõi, quản lý bệnh nhân trong khám chữa bệnh; giải quyết công việc qua phần mềm chỉ đạo điều hành; thực hiện “Đề án thanh toán viện phí không dùng tiền mặt” áp dụng từ năm 2020.

12. Kinh phí đầu tư cho phát triển YDCT

Tổng kinh phí đầu tư là 17.828.444.000 đồng, trong đó: Đầu tư cơ sở hạ tầng: 11.696.000.000 đồng; Đầu tư trang thiết bị: 5.948.084.000 đồng; Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực: 184.360.000 đồng.

13. Công tác hợp tác quốc tế: Chưa có.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá kết quả nổi bật đã đạt được

- **Về tổ chức bộ máy:** Ngành Y tế Ninh Thuận đã thành lập Bệnh viện Y dược cổ truyền và đi vào hoạt động có hiệu quả với 100 giường; thành lập khoa YHCT tại Bệnh viện đa khoa tỉnh với 15 giường, Trung tâm Y tế huyện/bệnh viện huyện có khoa YHCT đạt 100% kế hoạch; số giường bệnh đạt 8% trên tổng số giường bệnh toàn ngành, có 100% Trạm Y tế xã, phòng khám chữa bệnh YHCT kết hợp y học hiện đại.

- **Về khám chữa bệnh:** Tỷ lệ khám bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với y học hiện đại trên tổng số khám chữa bệnh chung tại tuyến tỉnh chiếm 9%, đạt 90% kế hoạch; tuyến huyện chiếm 10%, đạt 67% kế hoạch; tuyến xã chiếm 26%, đạt 130% kế hoạch.

- **Về nhân lực YHCT:** Số lượng Trung tâm Y tế huyện/bệnh viện huyện có khoa YHCT và có bác sỹ YHCT đạt 100% kế hoạch; có 46/65 Trạm Y tế xã có tổ hoặc bộ phận YHCT đạt 70%.

- Hoạt động khám chữa bệnh và dịch vụ y học cổ truyền, phong trào tập dưỡng sinh được duy trì và phát triển tốt, vượt chỉ tiêu đề ra, góp sức cùng ngành Y tế trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Hoạt động phối hợp khám chữa bệnh nhân đạo từ thiện cấp thuốc miễn phí ngày càng phục vụ nhiều người bệnh hơn, góp phần giảm bớt khó khăn cho người nghèo, người có công, người bệnh mãn tính,

- Nhận thức và ý thức về trồng và sử dụng thuốc nam trong nhân dân từng bước được nâng cao; người dân tin tưởng sử dụng những bài thuốc hay, cây thuốc quý, phương thuốc gia truyền kinh nghiệm trong nhân dân.

2. Những chỉ tiêu chưa hoàn thành

- Tỷ lệ khám bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với y học hiện đại trên tổng số khám chữa bệnh chung tại tuyến huyện chiếm 10%, chỉ đạt 67% kế hoạch.

- Có 46/65 Trạm Y tế xã có tổ hoặc bộ phận YHCT, chỉ đạt 70%.

3. Thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân

3.1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Y tế và các Bộ ngành trung ương; sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, công tác phát triển y, dược cổ truyền trong 10 năm qua có phát triển, đạt được mục tiêu, chỉ tiêu theo kế hoạch, góp phần thực hiện chiến lược chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Ninh Thuận là vùng đất có nhiều tiềm năng dược liệu; việc sử dụng dược liệu, vị thuốc cổ truyền của đồng bào dân tộc Chăm có truyền thống lâu đời, nhiều bài thuốc quý góp phần chữa bệnh bằng y dược cổ truyền đạt hiệu quả cao.

3.2. Khó khăn

- Cơ sở vật chất còn chật hẹp, đặc biệt Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh đã có chủ trương đầu tư nhưng chậm triển khai do nguồn vốn đầu tư công của Trung ương chưa bố trí.

- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại ngày càng cao, từng bước được bổ sung trang thiết bị nhưng vẫn còn thiếu, chưa đồng bộ để đáp ứng với nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

- Hầu hết các Trạm y tế phường chưa trồng đủ 40 cây thuốc Nam; thiếu nhân lực YHCT.

- Công tác hiện đại hóa YDCT tiến triển chậm. Công tác vận động nhân dân trồng, sử dụng, phát triển cây dược liệu thành cây hàng hóa chưa thành phong trào lớn mạnh.

3.3. Nguyên nhân

- Nhân lực YDCT tại các đơn vị y tế, đặc biệt Trạm y tế xã phường chưa đảm bảo cơ cấu; hầu hết các bác sỹ YHCT, Lương y chưa đào tạo chuyên sâu về chuyên môn.

- Ninh Thuận là tỉnh còn khó khăn. Đầu tư của Nhà nước về nhân lực và phương tiện làm việc cho các cơ sở khám chữa bệnh bằng YHCT từ tuyến tỉnh đến cơ sở còn nhiều hạn chế.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN THỜI GIAN TỚI

1. Mục tiêu chung

Phát huy kết quả đạt được, tiếp tục thực hiện chuyển biến rõ rệt trong công tác kế thừa, bảo tồn và phát triển Y dược cổ truyền. Kết hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; củng cố và phát triển mạng lưới y dược cổ truyền đều khắp 03 tuyến (tỉnh, huyện và xã); liên kết, phối hợp hiệu quả với Hội Đông y tỉnh để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh bằng y dược cổ truyền; tăng cường khám chữa bệnh kết hợp giữa Y học cổ truyền với Y học hiện đại.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm

- Đầu tư xây mới Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh, nâng hạng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh lên hạng 2. Đầu tư và phát triển y tế cơ sở đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh YHCT.

- Tiếp tục đào tạo, thu hút nhân lực YHCT cho các tuyến; đảo bảo cơ cấu nhân lực chuyên môn YHCT cho tất cả các Trạm Y tế để trực tiếp khám, điều trị bệnh cho nhân dân bằng phương pháp YHCT.

- Cùng cố tổ chức, bộ máy Hội Đông y các cấp để nâng cao chất lượng công tác kế thừa, bảo tồn và phát triển Y dược cổ truyền; phối hợp cùng ngành y tế thực hiện khám chữa bệnh Y học cổ truyền với Y học hiện đại trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

- Đạt tỷ lệ khám bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với y học hiện đại trên tổng số khám chữa bệnh chung tại tuyến tỉnh chiếm 40% (*trong đó điều trị ngoại trú chiếm 70%, điều trị nội trú và nội trú ban ngày chiếm 30%*).

- Số giường bệnh đạt 10% trên tổng số giường bệnh toàn ngành y tế.

- 100% Trạm Y tế xã, phường có tổ hoặc bộ phận YHCT.

4. Giải pháp

4.1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý và mạng lưới khám, chữa bệnh bằng Y dược cổ truyền

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý y, dược cổ truyền, bổ sung nhân lực chuyên trách quản lý y, dược cổ truyền cho ngành Y tế.

- Sắp xếp biên chế, bổ sung cơ cấu nhân lực YHCT cho các trạm y tế xã phường còn thiếu để đảm bảo có bộ phận khám chữa bệnh y, dược cổ truyền thực hiện khám bệnh, dùng thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu, châm cứu để chữa bệnh; tham gia hướng dẫn nhân dân trên địa bàn về lưu trữ nguồn gen thuốc có nguy cơ tuyệt chủng, kỹ thuật trồng cây thuốc và biết cách sử dụng thuốc Nam tại gia đình.

- Hoàn thiện thể chế đáp ứng việc tổ chức quản lý nhà nước về y, dược cổ truyền thuộc Sở Y tế; tổ chức, bộ máy Hội đồng y cấp xã, phường.

4.2. Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng cơ chế, chính sách tuyển dụng, đào tạo, thu hút nhân lực YDCT sau đại học; đảm bảo cơ cấu đủ nhân lực YDCT tại các tuyến, đặc biệt tuyến xã.

- Tổ chức mở lớp đào tạo liên tục để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ y, dược cổ truyền các tuyến và hội viên Hội Đông y các cấp.

- Tăng cường vai trò Hội Đông y tỉnh trong bồi dưỡng chuyên môn, kế thừa, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền theo đúng qui định pháp luật.

4.3. Đổi mới cơ chế chính sách Y dược cổ truyền

Xây dựng, ban hành chính sách đẩy mạnh công tác xã hội hóa y, dược cổ truyền, thực hiện đa dạng hóa các loại hình dịch vụ trong lĩnh vực y, dược cổ truyền; mở rộng liên kết, hợp tác giữa các cơ sở y, dược cổ truyền nhà nước với các cơ sở y dược cổ truyền tư nhân. Các cơ sở y tế nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ chuyên môn cho các cơ sở y dược cổ truyền tư nhân.

4.4. Phát triển dược liệu, thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu

Xây dựng ban hành cơ chế chính sách phát triển cây dược liệu thành sản phẩm hàng hóa; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các vùng nuôi trồng dược liệu

trong tình, khai thác dược liệu tự nhiên bền vững, bảo tồn nguồn gen và phát triển các loài dược liệu quý, hiếm, đặc hữu. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân nuôi trồng, nghiên cứu, chuyển giao, sản xuất dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.

4.5. Tăng cường vai trò của Hội Đông Y trong khám chữa bệnh

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa ngành Y tế và Hội Đông y các cấp trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; phối hợp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho hội viên, kết hợp trong quản lý hành nghề Y dược cổ truyền tư nhân; xây dựng tổ chức Hội, phát triển hội viên trong ngành y tế (nhân viên trạm y tế, nhân viên y tế thôn bản).

4.6. Đầu tư ngân sách cho lĩnh vực Y dược cổ truyền

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công của Trung ương và nguồn vốn tỉnh giai đoạn 2021-2025 để xây dựng bệnh viện Y dược cổ truyền; đầu tư xây dựng và phát triển các cơ sở y tế theo nguồn vốn ODA giai đoạn 2020-2025. Huy động và sử dụng các nguồn vốn khác để đào tạo nhân lực, mua sắm trang thiết bị đảm bảo hiệu quả trong công tác khám chữa bệnh y, dược cổ truyền.

4.7. Tăng cường công tác hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật về y, dược cổ truyền, góp vốn, trang thiết bị tại các đơn vị y tế, Hội đồng y.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Bộ Y tế sớm ban hành Thông tư Quy định điều kiện về văn bằng, Giấy chứng nhận về y dược cổ truyền và thời gian thực hành để cấp Chứng chỉ hành nghề y dược cổ truyền để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Quyết định số 2166/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận./.

(đính kèm các biểu phụ lục)

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Bộ Y tế (b/c);
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Cục YDCT – BHYT (b/c);
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Sở YT;
- Hội Đông y tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- VPUB: LĐVP;
- Lưu: VT, VXVN. NNN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên



DANH MỤC

Các loài dược liệu có tại địa phương có tiềm năng khai thác, phát triển của tỉnh Ninh Thuận
(đính kèm Báo cáo tổng kết 10 năm triển khai thực hiện QĐ 2166/QĐ-TTg)

Stt	Tên dược liệu	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Diện tích (ha)	Sản lượng dự kiến (tấn/năm)	Địa điểm nguồn cung cấp	
						Nuôi trồng	Thu hái
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tía tô					HV (hội viên)	
2	Dâu tằm					x	
3	Miêng bát						MN (miền núi)
4	Húng giũa					x	
5	Húng quế					x	
6	Húng đứng					x	
7	Lức lan						x
8	É trắng, é rừng..						x
9	Tía tô dại						x
10	Ngò					x	
11	Từ bi						x
12	Mè đất, lúc bùi						x
13	Kinh giới					x	
14	Cỏ Mần châu						x
15	Giăng xay						x
16	Cỏ lá tre						x
17	Cỏ tranh						x
18	Rau tần						x
19	Tần ô					x	
20	Tỏi					x	
21	Riềng					x	
22	Sả					x	
23	Hành					x	
24	Hành tây					x	
25	Hẹ					x	
26	Tầm gởi						x
27	Chùm ngây						x
28	Sung						x
29	Tre						x
30	Bèo cái						x

31	Sống đời					x	
32	Bông tai						x
33	Cam thảo đất						x
34	Cam thảo dây						x
35	Cúc vạn thọ					x	
36	Màn ry						x
37	Màn ry tím						x
38	Màn màn						x
39	Sài đất						x
40	Thù lù đục						x
41	Thù lù cái						x
42	Rau đắng đất						x
44	Rau đắng biển						x
45	Rau đắng trồng					x	
46	Chua me đất						x
47	Cỏ hôi						x
48	Kim ngân					x	
49	Tóc tiên						x
50	Bò công anh						x
51	Cỏ tai hùm						x
52	Bạch đầu ông						x
53	Ké đầu ngựa						x
54	Ké hoa vàng						x
55	Ké hoa đào						x
56	Dây quai bị						x
57	Chó đẻ						x
58	Đơn buốt						x
59	Đơn đồng						x
60	Trúc mọi						x
61	Cây Gai						x
62	Xuân hoa						x
63	Hoàn ngọc đỏ						x
64	Cà đại hoa trắng						x
65	Cà đại hoa tím						x
66	Giáp cá					x	
67	Tứ quý						x
68	Lược vàng					x	
69	Muồng trâu						x
70	Rau sam						x
71	Rau tạt tàng						x
72	Rau Muồng					x	
73	Rau Má					x	
74	Rau Càn					x	
75	Cỏ sữa lá lớn					x	
76	Cỏ sữa lá nhỏ						x
77	Mơ lông					x	

78	Trình nữ h. cung					x	
79	Phèn đen						x
80	Yết hầu						x
81	Bù ngọt					x	
82	Trùn đất						x
83	Rau trai						x
84	Rau trai tía						x
85	Cỏ Mực						x
86	Kiến cò						x
87	Bách bộ						x
88	Mã đề					x	
89	Râu mèo					x	
90	Rau dứa nước						x
91	Dứa dại						x
92	Kim tiền thảo						x
93	Thông bong						x
94	Râu bấp					x	
95	Cỏ May						x
96	Cốt toái bỏ						x
97	Dây Chiêu						x
98	Câu tích						x
99	Dầu lai					x	
100	Thiên niên kiện						x
101	Dây Gắm						x
102	Gác					x	
103	Kê huyết đằng						x
104	Thảo nam sơn						x
105	Ba vỏ						x
106	Sắc máu						x
107	Mắc cỡ						x
108	Vú bò						x
109	Lá lốt					x	
110	Ngũ trảo					x	x
111	Cỏ Xước						x
112	Vòi voi						x
113	Dây Chìa vôi						x
114	Dây Đau xương						x
115	Hy thiêm						x
116	Đại bi						x
117	Muống biển						x
118	Trắc bá						x
119	Quyển bá						x
120	Địa liên						x
121	Huyết giũ						x
122	Thủy xương bò						x
123	Gừng gió						x
124	Cỏ Cú						x

125	Ích mẫu						X
126	Tô mộc						X
127	Chùm bao						X
128	Muông hòe						X
129	Bình vôi						X
130	Vông nem						X
131	Sen					X	
132	Đinh lăng					X	X
133	Thỏ cao ly sâm						X
134	Bồ chính sâm						X
135	Hà thủ ô trắng					X	
136	Sâm hành						X
137	Tơ hồng vàng						X
138	Tơ hồng xanh						

Biểu: Nghiên cứu khoa học

Tên địa phương, đơn vị báo cáo	Năm	Trong đó										
		Cấp nhà nước			Cấp bộ			Cấp tỉnh/Thành			Đang triển khai	
		Đang triển khai	Nghiệm thu	Ứng dụng	Đang triển khai	Nghiệm thu	Ứng dụng	Đang triển khai	Nghiệm thu	Ứng dụng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
	2011	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	2012	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	2013	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	2014	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	2015	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	2016	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
	2017	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	2018	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
	2019	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	2020	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng		0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1

Biểu: Hệ thống quản lý YDCT tại địa phương

Bảng 1: Mô hình quản lý tại Sở Y tế

Mô hình tổ chức	Trình độ đào tạo					
	Tổng số	Tiến sĩ	Thạc sĩ	CKII	CKI	Bác sĩ
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Phòng quản lý YDCT	0	0	0	0	0	0
Chuyên viên chuyên trách	0	0	0	0	0	0
Chuyên viên bán chuyên trách	0	0	0	0	0	0

Bảng 2: Mô hình quản lý tại tuyến huyện

Tuyến huyện	Trình độ đào tạo					
	Tổng số	Tiến sĩ	Thạc sĩ	CKII	CKI	Bác sĩ
(1)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<i>Trung tâm Y tế huyện Bác Ái</i>	0	0	0	0	0	0
	0	0	0	0	0	0
	0	0	0	0	0	0
	0	0	0	0	0	0
	1	0	0	0	0	1
	1	0	0	0	0	1
	1	0	0	0	0	1
	1	0	0	0	0	1
	1	0	0	0	0	1
<i>Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước</i>	03	0	0	0	0	01
	03	0	0	0	0	01
	03	0	0	0	0	01
	03	0	0	0	0	02
	03	0	0	0	0	01
	03	0	0	0	0	01
	03	0	0	0	0	01
	03	0	0	0	0	01
	03	0	0	0	0	01
	04	0	0	0	0	01
	04	0	0	0	0	01
<i>Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn</i>	0	0	0	0	0	0
	0	0	0	0	0	0
	0	0	0	0	0	0

Biểu: Hệ thống khám, chữa bệnh YDCT

Bảng 1: Hệ thống bệnh viện y dược cổ truyền

STT	Tên bệnh viện	Năm	Bệnh viện YDCT cổ truyền				
			Diện tích bệnh viện		Hạng bệnh viện	Số giường kế hoạch	Số giường thực kê
			Diện tích chung	Diện tích sử dụng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
		2011			-	-	-
		2012			III	50	60
		2013			III	50	60
		2014			III	50	70
		2015			III	50	70
		2016			III	110	140
		2017			III	110	140
		2018			III	100	140
		2019			III	100	140
		2020			III	100	140
Tổng số							

Bảng 2: Hệ thống khoa/tổ YHCT trong cơ sở khám, chữa bệnh bằng YHHĐ

STT	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Năm	Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tỉnh, khu vực,				
			Khoa YHCT	Tổ YHCT	Hạng bệnh viện	Số giường bệnh viện	Số giường YHCT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	2011			II	550	10
		2012			II	550	20
		2013			II	550	20
		2014			II	600	10
		2015			II	650	22
		2016			II	800	15

		2017			II	850	15
		2018			II	900	15
		2019			II	1000	15
		2020			II	1000	23
2	<i>Trung tâm Y tế huyện Bắc Ái</i>	2011			III	50	
		2012			III	50	
		2013			III	50	
		2014			III	50	
		2015			III	50	
		2016			III	50	
		2017			III	30	
		2018			III	30	
		2019	1		III	30	2
		2020	1		III	30	2
3	<i>Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước</i>	2011		x	III	110	04
		2012		x	III	110	04
		2013		x	III	110	04
		2014		x	III	110	04
		2015		x	III	110	04
		2016		x	III	110	04
		2017		x	III	110	04
		2018		x	III	110	04
		2019	x		III	110	04
		2020	x		III	110	02
4	<i>Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn</i>	2011		1	III	130	05
		2012		1	III	130	05
		2013		1	III	130	05
		2014		1	III	130	05
		2015		1	III	130	05
		2016		1	III	130	05
		2017		1	III	130	05
		2018		1	III	130	05
		2019		1	III	130	05

		2020		1	III	130	05
5	<i>Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc</i>	2011			III		
		2012			III		
		2013			III		
		2014			III		
		2015	x		III	40	5
		2016	x		III	40	5
		2017	x		III	40	8
		2018	x		III	50	8
		2019	x		III	50	8
		2020	x		III	50	8
6	<i>Bệnh viện huyện Ninh Hải</i>	2011	1		III	70	
		2012	1		III	70	
		2013	1		III	70	11
		2014	1		III	70	11
		2015	1		III	70	5
		2016	1		III	70	5
		2017	1		III	70	5
		2018	1		III	80	10
		2019	1		III	70	10
		2020	1		III	70	5
Tổng số							

Biểu: Y tế cơ sở

STT	Tên huyện	Năm	Trong đó						
			Tổng số trạm y tế xã	Số xã có vườn thuốc mẫu	Số xã triển khai BHYT trong KCB	Số trạm y tế có		Số xã triển khai điều trị bằng thuốc Thành phẩm YHCT	Số xã triển khai điều trị bằng thuốc Thang
						Tổng số	Số xã được quỹ BHYT thanh toán		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Trung tâm Y tế Bắc Ái	2011	9	0	9	9	9	9	
		2012	9	0	9	9	9	9	
		2013	9	0	9	9	9	9	
		2014	9	0	9	9	9	9	
		2015	9	0	9	9	9	9	
		2016	9	0	9	9	9	9	
		2017	9	0	9	9	9	9	
		2018	9	0	9	9	9	9	
		2019	8	0	9	9	9	9	
		2020	8	2	9	9	9	9	
2	Trung tâm Y tế Ninh Phước	2011	09	04	09	09	09	06	0
		2012	09	04	09	09	09	06	0
		2013	09	04	09	09	09	06	0
		2014	09	04	09	09	09	06	0
		2015	09	04	09	09	09	06	0
		2016	09	04	09	09	09	08	0
		2017	09	04	09	09	09	08	0
		2018	09	02	09	09	09	09	0
		2019	09	02	09	09	09	09	0
		2020	09	02	09	09	09	09	0
3	Trung tâm Y tế Ninh Sơn	2011	8	0	8	8	8	7	0
		2012	8	0	8	8	8	7	0
		2013	8	0	8	8	8	7	0
		2014	8	0	8	8	8	7	0
		2015	8	0	8	8	8	7	0

		2016	8	0	8	8	8	7	0
		2017	8	0	8	8	8	7	0
		2018	8	0	8	8	8	8	0
		2019	7	0	7	7	7	7	0
		2020	7	6	7	7	7	7	0
4	Trung tâm Y tế TP. Phan rang Tháp chàm	2011	16	16	16	16	16	16	0
		2012	16	16	16	16	16	16	0
		2013	16	16	16	16	16	16	0
		2014	16	16	16	16	16	16	0
		2015	16	16	16	16	16	16	0
		2016	16	16	16	16	16	16	0
		2017	16	16	16	16	16	16	0
		2018	16	16	16	16	16	16	0
		2019	14	16	16	16	16	16	0
		2020	14	16	16	16	16	16	0
5	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	2011	6	6	6	6	6	6	0
		2012	6	6	6	6	6	6	0
		2013	6	6	6	6	6	6	0
		2014	6	6	6	6	6	6	0
		2015	6	6	6	6	6	6	0
		2016	6	6	6	6	6	6	0
		2017	6	6	6	6	6	6	0
		2018	6	6	6	6	6	6	0
		2019	5	5	5	5	5	5	0
		2020	5	5	5	5	5	5	0
6	Trung tâm Y tế huyện Thuận Nam	2011	8	0	0	0	0	0	0
		2012	8	0	0	0	0	0	0
		2013	8	0	0	0	0	0	0
		2014	8	0	0	0	0	0	0
		2015	8	0	0	0	0	0	0
		2016	8	0	0	0	0	0	0
		2017	8	0	0	0	0	0	0
		2018	8	0	0	0	0	0	0
		2019	8	0	0	0	0	0	0
		2020	8	6	0	0	0	0	0
7	Bệnh viện huyện Ninh Hải	2011	9	3	9	9	9	9	0

		2012	9	3	9	9	9	9	0
		2013	9	3	9	9	9	9	0
		2014	9	3	9	9	9	9	0
		2015	9	3	9	9	9	9	0
		2016	9	3	9	9	9	9	0
		2017	9	3	9	9	9	9	0
		2018	9	3	9	9	9	9	0
		2019	8	3	8	8	8	8	0
		2020	8	3	8	8	8	8	0
Tổng số									

Biểu : Cấp chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động

Bảng 1: Thống kê số liệu cấp chứng chỉ hành nghề tích lũy từ lúc triển khai đến thời điểm báo cáo

STT	Các loại hình hoạt động	Chứng chỉ hành nghề			Giấy phép hoạt động		
		Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Đã cấp	Thu hồi	Tổng số hồ sơ	Đã cấp	Thu hồi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Công lập						
1	Bệnh viện YDCT	0	0	0	0	0	0
2	Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh	0	0	0	0	0	0
3	Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh	0	0	0	0	0	0
4	Bệnh viện đa khoa tuyến huyện	13	13	0	3	3	0
5	Bệnh viện đa khoa khu vực	0	0	0	0	0	0
6	Phòng khám đa khoa khu vực	0	2	0	2	2	0
7	Trạm y tế xã, phường, thị trấn	5	7	0	16	16	0
II	Tư nhân						
1	Bệnh viện YDCT	0	0	0	0	0	0
2	Bệnh viện đa khoa	0	0	0	0	0	0
3	Phòng chẩn trị YHCT	0	0	0	0	0	0
4	Cơ sở hành nghề bài thuốc gia truyền	0	0	0	0	0	0
	Tổng số						

Bảng 2: Thống kê số liệu cấp chứng chỉ hành nghề trong kỳ báo cáo

STT	Các loại hình hoạt động	Chứng chỉ hành nghề			Giấy phép hoạt động		
		Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Đã cấp	Thu hồi	Tổng số hồ sơ	Đã cấp	Thu hồi
(1)	(2)	0	0	0	0	0	0
I	Công lập	0	0	0	0	0	0
1	Bệnh viện YDCT	0	0	0	0	0	0
2	Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh	8	8	0	4	4	0
3	Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh	0	0	0	0	0	0

4	Bệnh viện đa khoa tuyên huyện	4	8	0	16	16	0
5	Bệnh viện đa khoa khu vực	52	52	0	136	136	0
6	Phòng khám đa khoa khu vực						
7	Trạm y tế xã, phường, thị trấn	0	0	0	0	0	0
II	Tư nhân	0	0	0	0	0	0
1	Bệnh viện YDCT	0	0	0	0	0	0
2	Bệnh viện đa khoa	0	0	0	0	0	0
3	Phòng chẩn trị YHCT						

Biểu : Công tác thanh tra, kiểm tra

STT	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực YDCT	Số lượng	
		Y	Được
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Số cơ sở YDCT được kiểm tra trong năm 2019	2	0
2	Số cơ sở vi phạm		
	Trong đó: Số cơ sở hoạt động không có giấy phép	0	0
	Số cơ sở bị xử phạt	0	0
	Số cơ sở bị đình chỉ hoạt động	0	0
	Các hình thức xử phạt khác	0	0

Biểu : Tình hình sử dụng dược liệu, vị thuốc YHCT tại địa phương

STT	Nội dung	Đơn vị
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1	Tổng số tiền mua thuốc 2020	1.000đ
	Chế phẩm	1.000đ
	Dược liệu	1.000đ
	Vị thuốc y học cổ truyền	1.000đ
2	Tổng số kg dược liệu trong năm	kg
	Thuốc trong nước	kg
	Thuốc nhập khẩu	kg
3	Tổng số kg vị thuốc y học cổ truyền trong năm	kg
	Thuốc trong nước	kg
	Thuốc nhập khẩu	kg
4	Số lượng chế phẩm YHCT sản xuất tại các cơ sở khám, chữa bệnh	